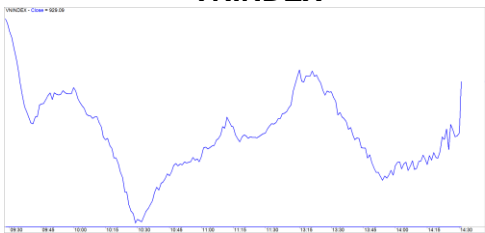


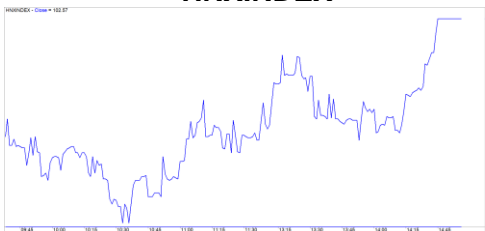
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	929.09	102.57	54.74
% ngày	0.10%	1.24%	0.66%
% tuần	-6.29%	-3.49%	-2.63%
% tháng	-3.74%	0.18%	-3.37%
% năm	2.25%	-0.75%	-0.13%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,942	315	174
TB 1 tuần	4,331	462	184
TB 1 tháng	3,647	345	199
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	802.99	4.47	36.81
Bán	1,014.71	29.37	32.56
Giá trị ròng	-211.72	-24.91	4.25
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	128	69	164
Mã Giảm	163	61	81
Không Đổi	98	242	658
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	14.37	8.91	13.95
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,182	195	848
LS Cổ tức	2.39%	4.70%	4.31%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay. Tâm lý thị trường tích cực hơn nhờ nhóm Ngân hàng khởi sắc. Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng nhẹ 0.1% dừng tại 929.09 điểm. Chỉ số HNX -Index tăng khá mạnh 1.25% chốt tại 102.57 điểm. Điểm trừ là giá trị giao dịch khớp lệnh sụt giảm 27% so với phiên liền trước đạt hơn 3,700 tỷ đồng.

CTG gây chú ý khi tăng kịch trần đóng cửa tại 26,900 đồng/cp mức cao nhất kể từ đầu tháng 10.2018 với dòng tiền tiếp tục tham gia tích cực. Nhiều mã Ngân hàng khác cũng tăng khá tốt tiêu biểu MBB(+3.9%), VPB(+3.8%), HDB(+2%), BID(+1.7%) có mức tăng đáng chú ý nhất trong nhóm. Nhiều mã đầu cơ cũng có mức tăng mạnh như DLG(+6.9%), SCR(+6.2%), HAI(+5.8%), DIC(+4.9%), AMD(+3.6%)... Ở chiều ngược lại, các mã vốn hóa lớn như VRE(-3.1%), VNM(-3.1%), SAB(-2.8%) giao dịch yếu hơn thị trường chung.

Trên sàn HNX, SHB(+4.6%), ACB(+2.7%) đóng góp chính vào mức tăng tích cực của chỉ số.

Khối ngoại có phiên bán ròng hơn 232.3 tỷ đồng toàn thị trường. VIC(59.3 tỷ), VNM(53.2 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, E1VFN30(20.3 tỷ), HDB(19 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ biến động hẹp trong vùng giá 929 – 936 điểm trong phiên tới. Đồng thời, lực cầu ngắn hạn tiếp tục cải thiện tích cực hơn tại các mức giá thấp, nhưng nhịp hồi phục kèm thanh khoản thấp cho thấy tâm lý vẫn còn thận trọng và đà hồi phục vẫn yếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ và vẫn dưới mức 20% cho thấy khả năng xác lập vùng đáy ngắn hạn được chúng tôi đánh giá cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 939.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.83 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể dừng bán và quan sát thị trường. Nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao và có sẵn cổ phiếu thì có thể xem xét mua thấp và bán trong nhịp hồi để hạ giá vốn hoặc mua mới với tỷ trọng thấp để thăm dò xu hướng ngắn hạn.

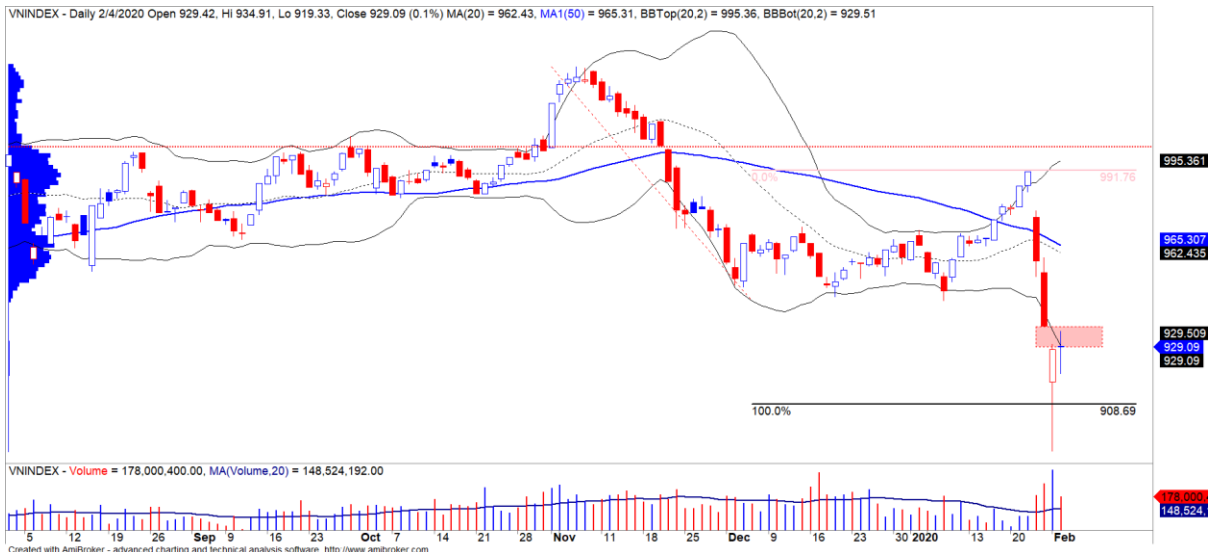
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 15% cổ phiếu/85% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.00	GIẢM	GIẢM		11.65				13.75		
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		23.58			24.00	22.57	-3.33%	
ACV	55.00	GIẢM	GIẢM		64.84				77.50		
ANV	17.15	GIẢM	GIẢM		19.42				24.61		
ASM	5.66	GIẢM	GIẢM		6.11				7.18		
BFC	10.20	GIẢM	GIẢM		11.64				13.05		
BID	54.40	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	62.87%	
BMP	42.50	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BSR	7.70	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	55.70	GIẢM	GIẢM		60.82				72.56		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		21.58				24.17		
CEO	8.20	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	24.20	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-6.92%	
CMG	30.85	GIẢM	GIẢM		32.59				38.10		
CMX	16.35	TĂNG	TĂNG	12.55	12.71	30.28%			16.17		
CSM	13.90	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-2.80%			14.75		
CTD	50.10	GIẢM	GIẢM	52.70	50.49	-4.20%	BÁN		61.28		
CTG	26.90	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	30.58%		23.55	22.98	14.23%	
CTR	43.90	GIẢM	N/A		48.02			-	N/A		
CVT	19.60	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DCM	5.75	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGC	24.10	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	23.70	GIẢM	TĂNG		24.37			25.20	22.71	-5.95%	
DHA	32.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	0.47%			32.52		
DHC	39.00	GIẢM	TĂNG	39.60	39.08	-1.31%	BÁN	37.70	36.02	3.45%	
DHG	101.00	TĂNG	TĂNG	93.00	98.20	8.60%		99.50	94.66	1.51%	MUA
DIG	11.35	GIẢM	GIẢM		12.35				14.46		
DPG	24.15	GIẢM	GIẢM		29.78				38.70		
DPM	11.55	GIẢM	GIẢM		11.87				13.89		
DPR	37.20	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-9.93%	
DQC	14.00	GIẢM	GIẢM		15.35				17.13		
DRC	22.50	GIẢM	GIẢM		24.62			21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.70	GIẢM	GIẢM		11.98				14.95		
EIB	17.55	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-1.40%		18.40	16.46	-4.62%	
FCN	9.69	GIẢM	GIẢM		9.88				11.04		



We Create Fortune

FMC	24.80	GIẢM	GIẢM		25.60			31.60	25.00	-20.90%	
FPT	51.80	GIẢM	GIẢM		53.94			46.00	54.99	19.54%	BÁN
GAS	82.00	GIẢM	GIẢM		88.13				101.88		
GEX	19.00	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-7.32%			20.84		
GIL	17.80	GIẢM	GIẢM		19.34			18.90	18.75	-0.80%	MUA
GMD	18.80	GIẢM	GIẢM		19.77				23.37		
GTN	15.80	GIẢM	GIẢM		18.15				20.66		
GVR	10.40	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HAG	3.27	GIẢM	GIẢM		3.75				4.22		
HAX	13.45	GIẢM	GIẢM		14.36				17.10		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.05	GIẢM	GIẢM		20.05				23.40		
HDB	27.55	GIẢM	GIẢM		28.24				29.24		
HDC	19.75	GIẢM	GIẢM		21.36			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.00	GIẢM	GIẢM		28.11				32.97		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	24.60	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	3.14%	
HSG	7.95	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	2.58%	
HT1	14.20	GIẢM	TĂNG		14.92			16.90	13.91	-15.98%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.39				2.71		
HVN	26.70	GIẢM	GIẢM		28.88				35.49		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-2.93%	
KDH	24.70	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
KSB	15.10	GIẢM	GIẢM		16.62				17.89		
LCG	6.43	GIẢM	GIẢM		7.05				8.27		
LDG	6.12	GIẢM	GIẢM		7.30				9.18		
LHG	14.10	GIẢM	GIẢM		15.27				16.89		
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.70				8.05		
MBB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.25				22.70		
MPC	21.00	GIẢM	TĂNG		21.97			24.10	19.14	-12.86%	
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MSR	13.80	GIẢM	GIẢM		14.88				16.05		
MWG	107.90	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NDN	13.60	GIẢM	GIẢM		15.68				17.24		
NKG	7.90	GIẢM	GIẢM		8.99			7.11	8.06	13.41%	
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		26.97			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	19.00	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-4.04%			20.20		
NTL	20.20	GIẢM	GIẢM		22.16			24.20	21.14	-12.66%	
NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		

We Create Fortune

OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61			9.30		
PAC	23.30	GIẢM	GIẢM		24.12			27.00		
PC1	14.80	GIẢM	GIẢM		17.32			19.39		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.51%		29.00	25.19	-10.00%
PHR	33.20	GIẢM	GIẢM		37.85			46.96		
PLX	50.70	GIẢM	GIẢM		53.12			60.01		
PNJ	84.00	GIẢM	GIẢM		86.66		77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.50	GIẢM	GIẢM		10.72			12.20		
PVT	12.70	GIẢM	GIẢM		13.93			16.41		
PPC	25.30	GIẢM	TĂNG		26.35		28.40	24.39	-10.92%	
PTB	67.90	TĂNG	GIẢM	70.00	62.72	-3.00%		72.68		
PVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.40			19.65		
PVD	12.20	GIẢM	GIẢM		13.61			16.51		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		31.73			33.18		
PVS	15.70	GIẢM	GIẢM		16.90			19.30		
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	5.90	5.74	0.00%	MUA	6.20	4.92	-4.84%
QNS	27.40	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	-1.08%		28.87		
REE	33.40	GIẢM	GIẢM		34.69		33.33	35.23	5.70%	BÁN
SAB	203.00	GIẢM	GIẢM		217.89			248.37		
SAM	9.27	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	13.74%		7.40	8.67	25.27%
SCR	5.30	TĂNG	GIẢM	5.30	5.17	0.00%	MUA		5.93	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.25	GIẢM	GIẢM		16.80		17.00	24.08	41.66%	BÁN
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.97		12.30	11.66	-5.18%	BÁN
SSI	17.00	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	10.20	GIẢM	TĂNG		10.71		10.20	9.94	0.00%	MUA
TCB	21.75	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TCM	18.65	GIẢM	TĂNG		21.71		20.65	18.42	-9.69%	MUA
TDH	9.45	GIẢM	GIẢM		10.07			11.10		
TLH	3.50	GIẢM	TĂNG		3.84		4.48	3.49	-21.88%	
TNG	14.20	GIẢM	TĂNG		16.21		15.50	13.78	-8.39%	MUA
VCB	89.80	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	44.84%	
VCG	25.30	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-1.94%		19.20	25.28	31.77%
VCS	63.20	GIẢM	GIẢM		68.86			79.65		
VGC	17.25	GIẢM	GIẢM		18.10			18.86		
VGT	7.90	GIẢM	GIẢM		8.66			8.95		
VHC	31.00	GIẢM	GIẢM		36.10			41.92		
VHM	85.70	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		
VIB	17.20	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-3.37%		17.70	16.56	-2.82%



We Create Fortune

VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.50%	
VIP	4.90	GIẢM	GIẢM		5.02				5.28		
VJC	129.00	GIẢM	GIẢM		129.12			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VND	14.00	GIẢM	TĂNG		14.95			14.70	13.53	-4.76%	MUA
VNG	19.20	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VNM	105.00	GIẢM	GIẢM		111.71				126.07		
VPB	23.45	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	17.25%		21.90	20.51	7.08%	
VPI	41.90	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.30%		41.30	40.54	1.45%	
VRC	5.72	GIẢM	GIẢM		7.55				10.69		
VRE	29.25	GIẢM	GIẢM		31.09			35.05	32.08	-8.48%	BÁN
VSC	25.40	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-5.93%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		23.58			24.00	22.57	-3.33%	
BID	54.40	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	62.87%	
BSR	7.70	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	55.70	GIẢM	GIẢM		60.82				72.56		
CTG	26.90	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	30.58%		23.55	22.98	14.23%	
FPT	51.80	GIẢM	GIẢM		53.94			40.23	54.99	36.70%	BÁN
GAS	82.00	GIẢM	GIẢM		88.13				101.88		
GEX	19.00	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-7.32%			20.84		
GVR	10.40	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HDB	27.55	GIẢM	GIẢM		28.24				29.24		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	24.60	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	3.14%	
HVN	26.70	GIẢM	GIẢM		28.88				35.49		
KDH	24.70	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
MBB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.25				22.70		
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MWG	107.90	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61				9.30		
PLX	50.70	GIẢM	GIẢM		53.12				60.01		
PNJ	84.00	GIẢM	GIẢM		86.66			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.50	GIẢM	GIẢM		10.72				12.20		

We Create Fortune

QNS	27.40	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	-1.08%		28.87		
REE	33.40	GIẢM	GIẢM		34.69		33.33	35.23	5.70%	BÁN
ROS	8.08	GIẢM	GIẢM		10.55			13.87		
SBT	17.80	GIẢM	TĂNG		18.75		17.50	17.46	1.71%	
SSI	17.00	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	10.20	GIẢM	TĂNG		10.71		10.20	9.94	0.00%	MUA
TCB	21.75	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TPB	21.00	GIẢM	GIẢM		21.43			23.94		
VCB	89.80	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	44.84%	
VCG	25.30	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-1.94%	18.44	25.28	37.19%	
VCS	63.20	GIẢM	GIẢM		68.86			79.65		
VEA	44.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.30%		59.45		
VGI	24.20	GIẢM	N/A		25.95			N/A		
VHM	85.70	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		
VIB	17.20	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-3.37%	15.00	16.56	14.63%	
VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		115.59		112.00	113.76	2.50%	
VJC	129.00	GIẢM	GIẢM		129.12		124.50	140.85	13.14%	BÁN
VNM	105.00	GIẢM	GIẢM		111.71			126.07		
VPB	23.45	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	17.25%	21.90	20.51	7.08%	
VRE	29.25	GIẢM	GIẢM		31.09		35.05	32.08	-8.48%	BÁN

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.00	GIẢM	GIẢM		11.65				13.75		
ANV	17.15	GIẢM	GIẢM		19.42				24.61		
ASM	5.66	GIẢM	GIẢM		6.11				7.18		
BMI	24.70	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	-3.70%		26.70	23.99	-7.49%	
BMP	42.50	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		21.58				24.17		
CEO	8.20	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	24.20	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-6.92%	
CRE	23.20	GIẢM	GIẢM		23.91			25.00	23.65	-5.42%	BÁN
CTI	21.00	GIẢM	GIẢM		22.80				23.07		
CTR	43.90	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	0.46%	MUA
D2D	48.10	GIẢM	GIẢM		57.68				77.80		
DBD	54.60	TĂNG	GIẢM	58.00	54.48	-5.86%			60.29		



We Create Fortune

DCM	5.75	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGW	23.70	GIẢM	TĂNG		24.37			25.20	22.71	-5.95%	
DHC	39.00	GIẢM	TĂNG	39.60	39.08	-1.31%	BÁN	37.70	36.02	3.45%	
DIG	11.35	GIẢM	GIẢM		12.35				14.46		
DPG	24.15	GIẢM	GIẢM		29.78				38.70		
DPM	11.55	GIẢM	GIẢM		11.87				13.89		
DRC	22.50	GIẢM	GIẢM		24.62			21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.70	GIẢM	GIẢM		11.98				14.95		
E1VFN30	14.04	GIẢM	GIẢM		14.52				15.42		
FCN	9.69	GIẢM	GIẢM		9.88				11.04		
FLC	3.81	GIẢM	GIẢM		4.21			4.63	4.02	-13.27%	BÁN
GEG	25.10	GIẢM	GIẢM		26.03				27.32		
GMD	18.80	GIẢM	GIẢM		19.77				23.37		
GTN	15.80	GIẢM	GIẢM		18.15				20.66		
HAG	3.27	GIẢM	GIẢM		3.75				4.22		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.05	GIẢM	GIẢM		20.05				23.40		
HDC	19.75	GIẢM	GIẢM		21.36			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.00	GIẢM	GIẢM		28.11				32.97		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-4.00%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.95	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	2.58%	
HT1	14.20	GIẢM	TĂNG		14.92			16.90	13.91	-15.98%	
HTM	17.30	GIẢM	TĂNG		19.16			20.00	15.34	-13.50%	
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.58				21.22		
IDI	4.15	GIẢM	GIẢM		4.51				5.52		
IJC	13.30	GIẢM	GIẢM		14.18			13.10	14.05	7.27%	BÁN
ITA	2.19	GIẢM	GIẢM		2.42				2.92		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.27			14.85	14.21	0.36%	
KDC	18.20	GIẢM	TĂNG	19.50	18.52	-5.05%	BÁN	20.82	18.08	-12.57%	
KOS	31.00	TĂNG	TĂNG	26.80	28.48	15.67%		26.30	26.05	17.87%	
KSB	15.10	GIẢM	GIẢM		16.62				17.89		
LDG	6.12	GIẢM	GIẢM		7.30				9.18		
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.70				8.05		
MBG	13.80	GIẢM	GIẢM		17.08				27.83		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		14.83				15.75		
MPC	21.00	GIẢM	TĂNG		21.97			24.10	19.14	-12.86%	
NBB	19.80	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	7.90	GIẢM	GIẢM		8.99			7.11	8.06	13.41%	



We Create Fortune

NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		26.97			26.28	26.30	0.06%	
NT2	19.00	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-4.04%			20.20		
NTL	20.20	GIẢM	GIẢM		22.16			24.20	21.14	-12.66%	
NVB	9.00	GIẢM	TĂNG		9.51			8.50	8.62	5.88%	
OGC	3.43	GIẢM	GIẢM		3.57				3.92		
PC1	14.80	GIẢM	GIẢM		17.32				19.39		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.51%		23.59	25.19	10.62%	
PHR	33.20	GIẢM	GIẢM		37.85				46.96		
PPC	25.30	GIẢM	TĂNG		26.35			28.40	24.39	-10.92%	
PTB	67.90	TĂNG	GIẢM	70.00	62.72	-3.00%			72.68		
PVD	12.20	GIẢM	GIẢM		13.61				16.51		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		31.73				33.18		
PVS	15.70	GIẢM	GIẢM		16.90				19.30		
PVT	12.70	GIẢM	GIẢM		13.93				16.41		
QCG	3.50	GIẢM	GIẢM	3.89	3.58	-8.04%	BÁN		4.30		
SCR	5.30	TĂNG	GIẢM	5.30	5.17	0.00%	MUA		5.93		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.68				8.49		
SHB	6.80	TĂNG	TĂNG	6.40	5.79	6.25%		7.10	6.52	-4.23%	
SHS	6.50	GIẢM	GIẢM		7.22			8.40	7.36	-12.38%	BÁN
SZC	14.30	GIẢM	GIẢM		15.51				18.63		
TCH	41.20	TĂNG	TĂNG	30.05	39.47	37.10%		26.15	35.93	57.55%	
TCM	18.65	GIẢM	TĂNG		21.71			20.65	18.42	-9.69%	MUA
TDH	9.45	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TNG	14.20	GIẢM	TĂNG		16.21			15.50	13.78	-8.39%	MUA
TTB	3.23	GIẢM	GIẢM		3.98				6.34		
VGC	17.25	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	7.90	GIẢM	GIẢM		8.66				8.95		
VHC	31.00	GIẢM	GIẢM		36.10				41.92		
VND	14.00	GIẢM	TĂNG		14.95			14.70	13.53	-4.76%	MUA
VNG	19.20	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VPI	41.90	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.30%		41.30	40.54	1.45%	



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.80	GIẢM	TĂNG		8.32			9.00	7.48	-13.33%	
AGR	3.35	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-6.94%			3.87		
AMD	1.71	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	10.70	TĂNG	TĂNG	10.70	10.66	0.00%	MUA	9.90	8.88	8.08%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.58				7.40		
C4G	5.70	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.80	GIẢM	GIẢM		6.22				11.07		
CCL	5.90	GIẢM	GIẢM		6.85			7.88	6.27	-20.46%	
CVT	19.60	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DAH	8.29	GIẢM	GIẢM		9.01				10.73		
DLG	1.71	GIẢM	GIẢM		1.92				2.39		
DRH	3.31	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	-8.82%			4.24		
DTD	9.30	GIẢM	GIẢM		10.47				12.23		
EVG	2.48	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	7.49	GIẢM	GIẢM		9.23				10.68		
FTM	1.55	GIẢM	GIẢM		1.91				3.26		
FUES SV50	12.20	GIẢM	GIẢM		12.49				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	3.33%		14.90	14.67	4.03%	
HAH	10.30	GIẢM	GIẢM		11.16				12.82		
HAI	2.56	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.06	GIẢM	GIẢM		3.44				4.15		
HDA	8.90	GIẢM	GIẢM		9.61				10.48		
HHP	12.30	TĂNG	GIẢM	12.20	12.22	0.82%			13.13		
HHS	3.53	GIẢM	TĂNG	3.40	3.54	4.21%	BÁN	3.36	2.97	5.06%	
HID	2.30	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.54%		2.63	2.16	-12.55%	
HII	9.20	GIẢM	GIẢM		9.68				10.51		
HQC	0.98	GIẢM	GIẢM		1.07				1.21		
HSL	7.17	GIẢM	GIẢM	8.00	7.64	-4.48%	BÁN		8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.39				2.71		
HVG	8.00	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	2.30%		3.90	6.94	105.13%	
HVH	10.80	GIẢM	GIẢM		13.30				16.61		
IDJ	7.70	GIẢM	TĂNG	6.90	7.87	13.99%	BÁN	7.20	6.50	6.94%	
JVC	3.69	TĂNG	GIẢM	3.47	3.38	6.34%			3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.60			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.43	GIẢM	GIẢM		7.05				8.27		
LGL	6.60	GIẢM	GIẢM		7.74				8.67		
LHG	14.10	GIẢM	GIẢM		15.27				16.89		
LMH	2.20	GIẢM	GIẢM		3.03				5.76		
MST	5.00	GIẢM	TĂNG		5.30			3.40	4.34	47.06%	
NDN	13.60	GIẢM	GIẢM		15.68				17.24		
PHC	10.45	GIẢM	GIẢM		10.91				11.99		
PLP	9.00	GIẢM	GIẢM		9.92				10.90		
PVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.40				19.65		
PVC	5.90	GIẢM	GIẢM		6.41				7.26		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.18				1.45		
PXL	7.60	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-6.17%		6.70	6.66	13.43%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	56.11%	
SJF	1.64	GIẢM	GIẢM	1.77	1.69	-4.47%	BÁN		2.06		
SPP	1.50	GIẢM	GIẢM		1.70				2.33		
TDC	7.98	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	5.90	GIẢM	TĂNG		6.46			3.20	5.54	84.38%	
TLH	3.50	GIẢM	TĂNG		3.84			4.48	3.49	-21.88%	
TNA	17.15	GIẢM	GIẢM		20.19				22.82		
TNI	9.99	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-8.35%	
TSC	1.93	GIẢM	GIẢM		2.43				3.23		
TTF	2.36	GIẢM	GIẢM		2.58				2.97		
TTH	2.50	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-7.41%			2.89		
TVC	20.20	GIẢM	TĂNG		21.24			14.30	18.60	41.26%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.16			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	8.00	GIẢM	GIẢM		9.35				12.75		
VNA	2.80	GIẢM	GIẢM		3.10				4.10		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	5.72	GIẢM	GIẢM		7.55				10.69		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	929.09	0.10%
VN30	845.52	0.34%
VN Mid	872.09	-0.51%
VN Small	704.66	-0.82%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.57	1.24%
HN30	177.18	0.53%
VNX AllSh	807.92	-0.02%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	54.74	0.66%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	802.99	
Bán	1014.71	
GT rỗng	-211.72	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	4.47	
Bán	29.37	
GT rỗng	-24.91	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	36.81	
Bán	32.56	
GT rỗng	4.25	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GAB	3250	6.88%
DBC	650	3.42%
KOS	500	1.64%
AGG	200	0.68%
E1VFN30	70	0.50%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSC	2000	6.67%
SHB	300	4.62%
SZB	1000	3.13%
ACB	600	2.65%
TAR	400	1.47%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVF	900	15.00%
TID	2300	14.65%
HND	1100	7.97%
MPC	1500	7.69%
LPB	500	7.14%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IMP	-1700	-3.04%
DHG	-1600	-1.56%
HVN	-300	-1.11%
OGC	-30	-0.87%
TRA	-100	-0.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DHT	-5800	-9.86%
AMV	-1500	-6.82%
SHS	-300	-4.41%
TNG	-400	-2.74%
CEO	-200	-2.38%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	-1600	-11.03%
BOT	0	0.00%
NTC	100	0.07%
QNS	600	2.24%
VEA	1000	2.33%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
HVN	37,868	
BHN	13,468	
DHG	13,205	
LGC	8,148	
E1VFN30	6,661	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,431	
SHB	11,936	
VCG	11,175	
VCS	10,112	
PVS	7,504	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VEA	58,023	
MCH	45,291	
BSR	23,399	
MML	18,914	
MVN	17,417	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
CTG	14,875,770	8,178,782
MBB	9,596,660	5,934,378
DLG	8,577,330	8,619,353
HPG	8,126,090	7,594,290
HSG	6,445,320	5,548,902

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	7,888,715	7,791,527
PVS	3,162,233	2,704,675
NVB	2,409,802	1,717,728
ACB	2,397,161	2,506,443
PVX	2,268,200	612,550

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,443,762	2,814,324
LPB	783,597	653,011
VIB	712,734	695,651
CTR	491,446	369,067
EVF	471,825	169,147

Nguồn: Bloomberg & YSVN

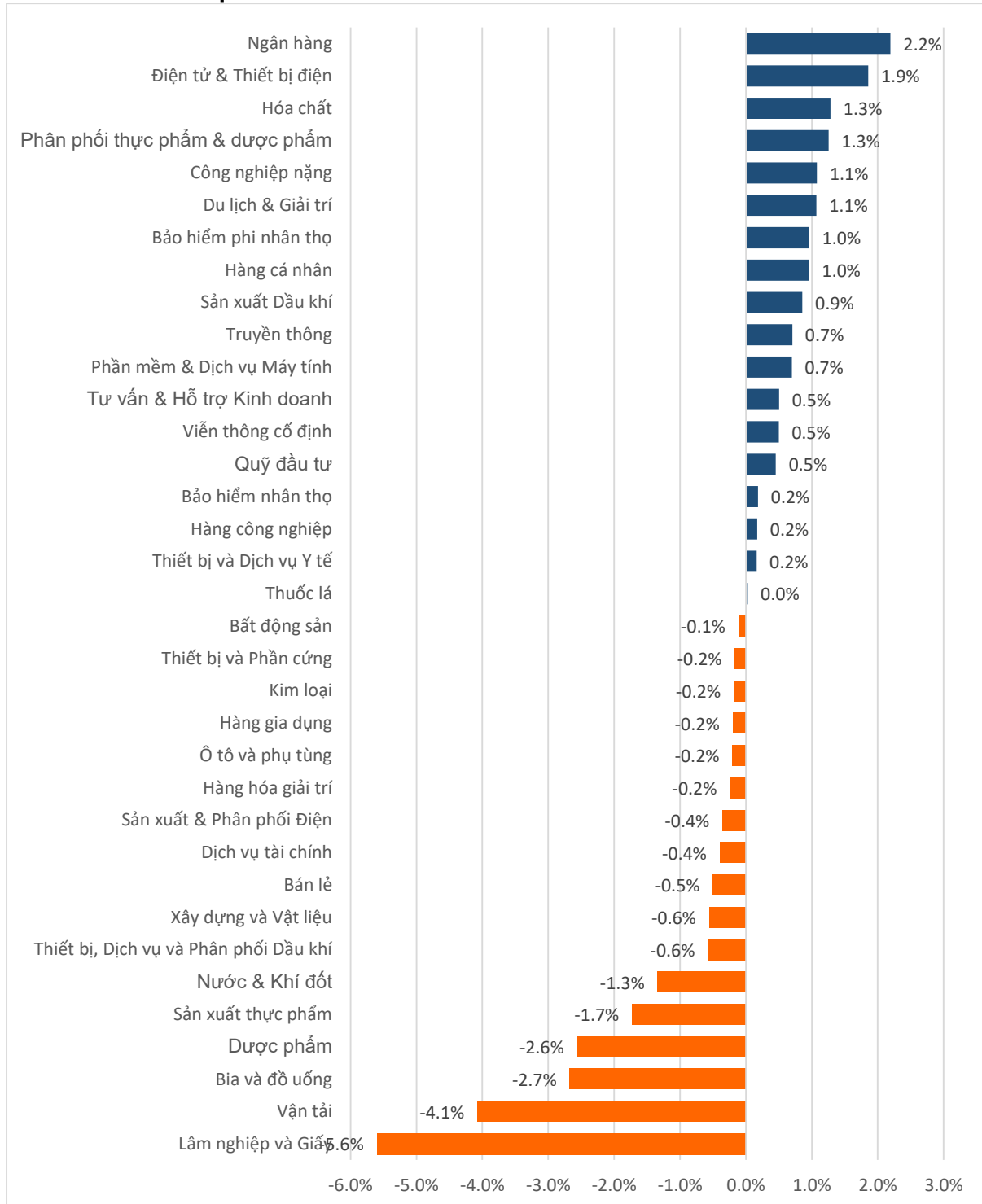
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



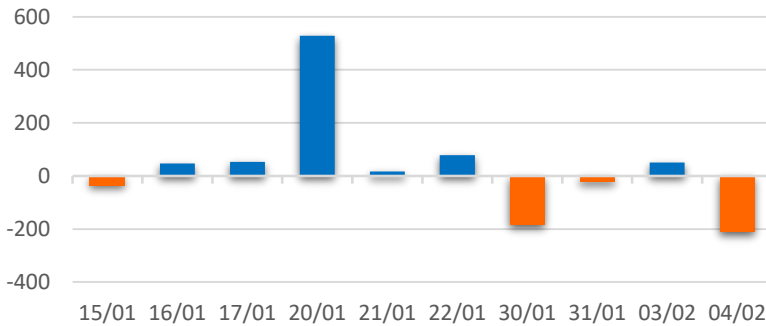
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

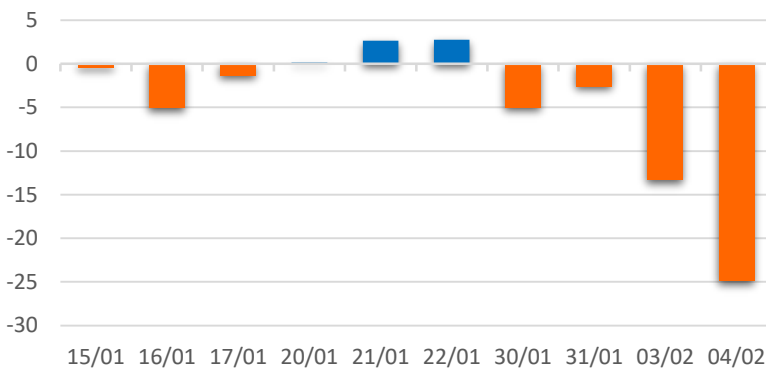
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	20,311	<b>VIC</b>	59,468
<b>HDB</b>	19,095	<b>VNM</b>	53,253
<b>CTG</b>	13,113	<b>DXG</b>	22,593
<b>VJC</b>	10,225	<b>POW</b>	21,188
<b>VCB</b>	8,957	<b>STB</b>	13,600

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

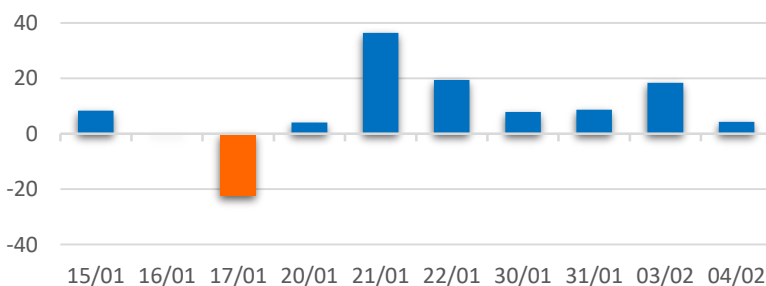
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>WCS</b>	386	<b>PVS</b>	10,898
<b>AMV</b>	265	<b>TNG</b>	3,723
<b>TIG</b>	172	<b>SHB</b>	3,683
<b>NBC</b>	105	<b>NDN</b>	2,949
<b>NRC</b>	80	<b>SHS</b>	1,992

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>QNS</b>	4,776	<b>CTR</b>	3,084
<b>VEA</b>	2,353	<b>MPC</b>	373
<b>LPB</b>	511	<b>VGT</b>	316
<b>BCM</b>	292	<b>SAS</b>	207
<b>FOX</b>	124	<b>ACV</b>	200

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



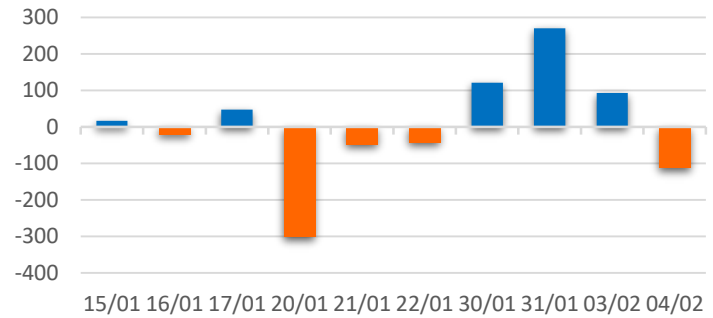
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

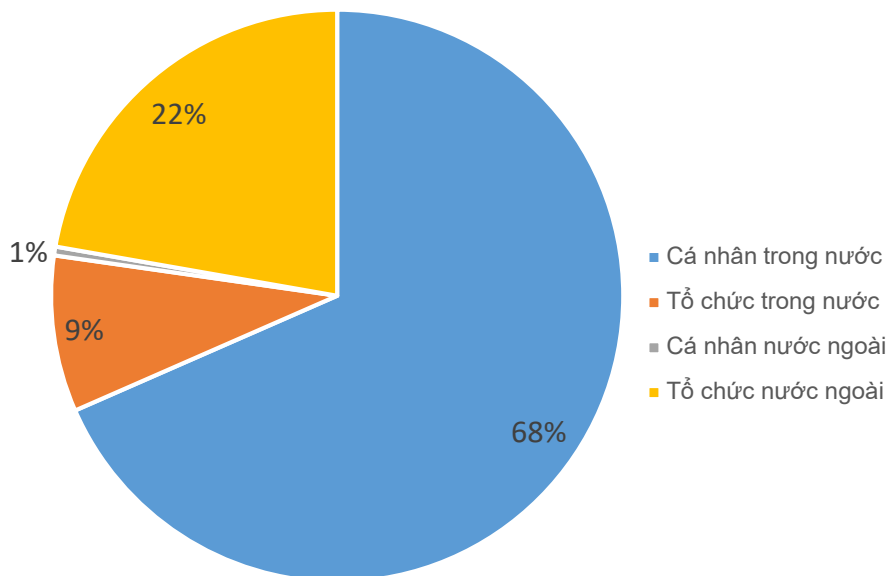
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MWG</b>	23,760	<b>MBB</b>	43,635
<b>MBB</b>	22,324	<b>E1VFN30</b>	26,844
<b>GEX</b>	18,901	<b>VNM</b>	20,493
<b>FPT</b>	10,000	<b>VIC</b>	16,933
<b>HPG</b>	8,641	<b>HPG</b>	14,665

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

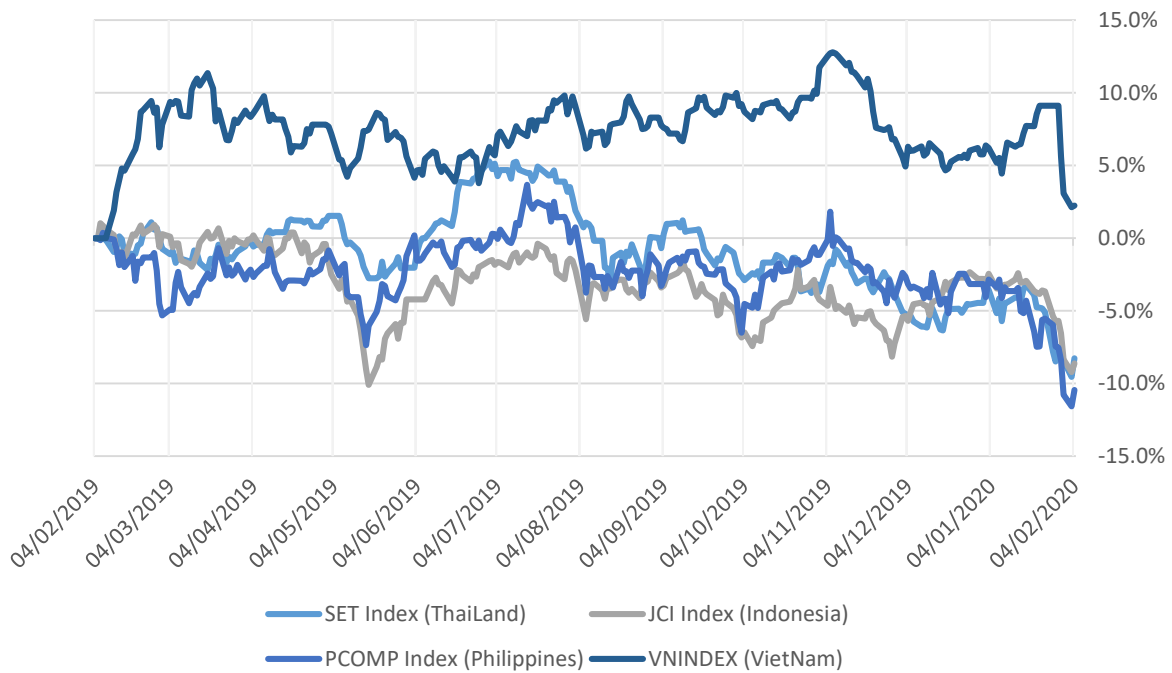


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

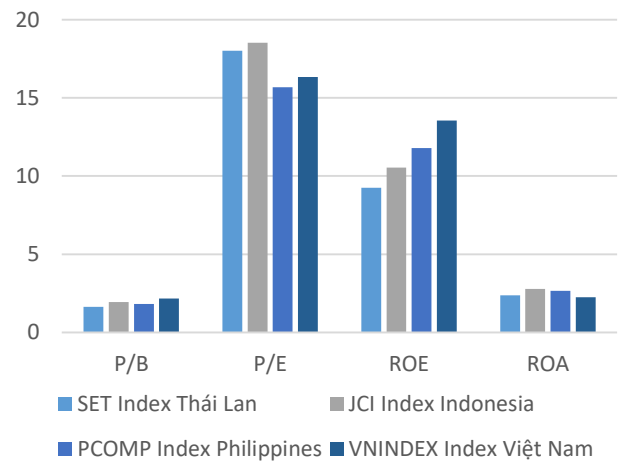
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.8x	2.2x
P/E		18.0x	18.5x	15.7x	16.3x
ROE	%	9.25	10.55	11.79	13.56
ROA	%	2.37	2.78	2.66	2.25
Vốn hóa	Tỷ USD	511.74	497.92	175.11	136.70
GTGD	Triệu USD	1.47	0.36	0.06	0.19
LS cổ tức	%	3.41	2.57	1.73	2.08

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written